

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 15/4/2022

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi
con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA - TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Linh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy;
2. Bà Hoàng Thị Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mai - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Quý - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 161/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2022 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2022/QĐXX-ST ngày 04 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị H- sinh năm 1984

ĐKKHKT: Số nhà 105 phố N, phường N, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: Phố N, phường A, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn S - sinh năm 1983

Địa chỉ: Số nhà 15, đường Đ, phường R, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt Chị H, vắng mặt anh S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, được bổ sung tại bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Trịnh Thị H trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh S kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, có tổ chức cưới theo phong tục truyền thống và đăng ký kết hôn tại UBND phường R, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa vào tháng 10 năm 2010. Sau khi kết hôn anh chị sinh sống tại gia đình nhà chồng ở số nhà 15, đường Đông Sơn, phường R, thành phố T. Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến khoảng

năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hòa hợp dẫn đến không có tiếng nói chung. Vợ chồng anh chị đã ly thân từ tháng 8 năm 2018 cho đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau. Nay Chị H xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh S.

- Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu: Nguyễn Văn H, sinh ngày 27/5/2012. Ly hôn Chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H và yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng kể từ khi Tòa án có quyết định hoặc bản án đến khi cháu H thành niên.

- Về tài sản, công nợ: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Văn S theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, anh S không đến Tòa làm việc mà chỉ gửi ý kiến bằng văn bản qua đường bưu điện đồng thời xin vắng mặt tại các phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, phiên hòa giải và phiên tòa.

Tại văn bản gửi cho Tòa án, anh Nguyễn Văn S trình bày như sau:

- Về hôn nhân: Anh S trình bày thống nhất với Chị H về thời gian, điều kiện kết hôn. Theo anh S, vợ chồng anh phát sinh mâu thuẫn từ năm 2018 và không thể hàn gắn. Từ tháng 8 năm 2018, Chị H về nhà mẹ đẻ sinh sống và anh chị đã sống ly thân từ thời điểm đó cho đến nay, không ai còn quan tâm đến ai. Gia đình hai bên đã khuyên giải nhưng không có kết quả. Xét thấy thời gian mâu thuẫn giữa vợ chồng đã lâu nên Chị H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn đối với anh thì anh cũng đồng ý.

- Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu: Nguyễn Văn H, sinh ngày 27/5/2012. Ly hôn, anh S đồng ý để Chị H được trực tiếp nuôi cháu H. còn anh cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng).

- Về tài sản, công nợ: Anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Qua thu thập chứng cứ tại địa phương thể hiện: Chị H và anh S sau khi kết hôn sinh sống tại số nhà 15, đường Đông Sơn, phường R, thành phố Thanh Hóa. Quá trình anh chị sống tại địa phương vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu là do quan điểm, cách sống đối lập nhau dẫn đến trong cuộc sống xảy ra va chạm. Từ năm 2018 cho đến nay Chị H không sinh sống tại địa phương nữa. Anh chị có 01 con chung là cháu: Nguyễn Văn H, sinh ngày 27/5/2012. Nay Chị H làm đơn khởi kiện ly hôn anh S, quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Tại phiên tòa hôm nay, anh S xin vắng mặt, Chị H giữ nguyên yêu cầu ly hôn; về con chung: đề nghị Tòa án giao cháu H cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, anh S cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 4 năm 2022 đến khi cháu H thành niên; về tài sản công nợ chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn, bị đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Về yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn và bị đơn có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thành phố Thanh Hóa. Việc Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa thụ lý, giải quyết là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh S có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh S.

[2] Về nội dung:

Về hôn nhân: Chị H và anh S kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Cả hai anh chị đều thừa nhận giữa vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do giữa vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hòa hợp. Anh chị đã ly thân từ tháng 08/2018 cho đến nay không ai còn quan tâm, chăm sóc đến ai. Thu thập chứng cứ tại địa phương và gia đình của anh chị cũng thể hiện giữa vợ chồng anh chị có xảy ra mâu thuẫn. Nay chị H đề nghị được ly hôn đối với anh S, trong văn bản gửi cho Tòa án quan điểm của anh S đồng ý ly hôn với chị H. Quá trình giải quyết vụ án anh S không trực tiếp lên Tòa làm việc, đồng thời vắng mặt tại các phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, phiên hòa giải và phiên tòa. Điều đó cho thấy anh S không có nguyện vọng được đoàn tụ với chị H.

Từ những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng anh S, chị H đã trầm trọng, cả hai đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình để xử cho chị H được ly hôn với anh S.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu: Nguyễn Văn H, sinh ngày 27/5/2012. Ly hôn, chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H. Hiện nay cháu H đang ở với chị H. Còn công việc của anh S phải di chuyển liên tục nên không có điều kiện gần gũi, chăm sóc con. Ý kiến của anh S cũng đồng ý giao con cho chị H nuôi, cháu Hải cũng có nguyện vọng được ở với chị H. Việc giao con cho ai nuôi dưỡng cần xem xét mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên. Do đó HĐXX xét thấy chấp nhận nguyện vọng của chị H là được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp

Về cấp dưỡng, Chị H yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng). Tại ý kiến gửi đến Tòa án, anh S đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung theo như nguyện vọng của chị H. Xét thấy đây là sự tự nguyện của các đương sự nên chấp nhận

Về tài sản, công nợ: Chị H, anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, anh S phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng theo định kỳ. Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 điều 273, Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14.

Về hôn nhân: Xử cho chị Trịnh Thị H ly hôn anh Nguyễn Văn S.

Về con chung: Chị H và anh S có 01 con chung là cháu: Nguyễn Văn H, sinh ngày 27/5/2012. Giao cháu H cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh S cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 04 năm 2022 đến khi cháu H đủ tuổi thành niên.

Anh S có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản, công nợ: Anh S và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Trịnh Thị H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai số AA/2021/0001613 ngày 10/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa (Chị H đã nộp đủ án phí).

Anh S phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng theo định kỳ.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận (hoặc niêm yết) bản án./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Thanh Hóa;
- Chi cục THADS TP Thanh Hóa;
- UBND phường R, TP. T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Linh

